

## THÔNG BÁO

### Về việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi năm 2018

Căn cứ Công văn số 116/SKH-CN-QLCS ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hoá về việc hướng dẫn đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2018. Hiệu trưởng yêu cầu trưởng các đơn vị trong trường thông báo đến cán bộ, giảng viên trong đơn vị đề xuất các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi năm 2018.

Các nhiệm vụ KH&CN đề xuất phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình Nông thôn miền núi đã được phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ Tướng Chính phủ (có văn bản kèm theo).

Hồ sơ đề xuất dự án bao gồm:

1. Phiếu đề xuất dự án nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện năm 2018;
2. Thuyết minh dự án;
3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì;
4. Lý lịch khoa học của cá nhân chủ nhiệm dự án;
5. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ;
6. Tài liệu chứng minh xuất xứ công nghệ của dự án.

(Có biểu mẫu kèm theo)

Hồ sơ đề xuất gửi về Nhà trường qua phòng QLKH&CN (Đ/c Lê Anh Tuấn) dưới dạng bản in và file điện tử theo địa chỉ email: [leanhtuan@hdu.edu.vn](mailto:leanhtuan@hdu.edu.vn) trong đó:

- Phiếu đề xuất dự án nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện năm 2018: gửi **trước ngày 10/03/2017**.

- Các thành phần hồ sơ còn lại: gửi **trước ngày 21/03/2017**.

Hiệu trưởng yêu cầu trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng và các PHT (để BC);
- Các đơn vị trong trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLKH-CN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Thị Mai**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT****DỰ ÁN NTMN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN NĂM 2018**

- 1 **Tên dự án:**
- 2 **Mục tiêu dự kiến của dự án:**
- 3 **Giải trình tính cấp thiết (tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách...):**
- 4 **Xuất xứ công nghệ của dự án:**  
*Công nghệ lựa chọn để ứng dụng chuyển giao đáp ứng các yêu cầu sau:*
  - a) *Hướng vào giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của nơi thực hiện dự án và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái; phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương và mục tiêu của Chương trình;*
  - b) *Tiên tiến, có tính mới và hiệu quả hơn so với công nghệ hiện có đang áp dụng rộng rãi tại địa phương;*
  - c) *Đã có quy trình kỹ thuật ổn định, phù hợp với khả năng tiếp thu của các tổ chức và người dân nơi thực hiện dự án;*
  - d) *Được công nhận là tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp quốc gia đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên hoặc được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép ứng dụng chuyển giao.***Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ :**
  - Tên:
  - Cơ quan, Đơn vị chủ quản:
  - Địa chỉ:*Điện thoại, email:*
- 5 **Các nội dung chính của dự án:**
- 6 **Thời gian thực hiện dự án: ..... tháng, từ tháng .....năm 2018 đến tháng .... năm 20....**
- 7 **Kết quả dự kiến:**  
*(nêu rõ các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu cần đạt của sản phẩm)*
- 8 **Về thị trường tiêu thụ sản phẩm và địa chỉ áp dụng:**
- 9 **Nhu cầu kinh phí thực hiện dự án:**  
 Tổng.....triệu đồng, trong đó:  
 Nguồn từ đơn vị chủ trì:  
 Nguồn khác:  
 Nguồn SNKH:
- 10 **Địa chỉ đơn vị đề xuất:**
  - Cơ quan, Đơn vị chủ quản:
  - Địa chỉ:*Điện thoại, email:*

Đơn vị đề xuất dự án  
( ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

**MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN**  
**thuộc Chương trình Nông thôn miền núi**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên Dự án: .....

2. Mã số:

3. Cấp quản lý: - Bộ Khoa học và Công nghệ:   
- Ủy quyền cho địa phương quản lý:

4. Thời gian thực hiện: ..... tháng, từ tháng ..../20... đến tháng ..../20...

5. Dự kiến kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương: ..... triệu đồng
- Ngân sách địa phương: ..... triệu đồng
- Nguồn khác: ..... triệu đồng

Phương thức khoán chi:

- Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng:
- Khoán chi từng phần:

6. Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

7. Chủ nhiệm Dự án:

Họ, tên:

Học hàm, học vị:

Địa chỉ:

E-mail:

Chức vụ:

Điện thoại:

CQ:

NR:

Mobile:

8. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:

Tên cơ quan:

Địa chỉ:

Điện thoại:

## 9. Tính cấp thiết của dự án:

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh hoặc vùng.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

## 10. Tính tiên tiến và thích hợp của công nghệ được ứng dụng, chuyển giao:

Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về các công nghệ đang được áp dụng tại địa phương trong lĩnh vực dự án dự kiến triển khai;

- Đặc điểm và xuất xứ của công nghệ dự kiến áp dụng.
- Nêu tính tiên tiến của công nghệ dự kiến áp dụng so với các công nghệ đang áp dụng tại địa phương.
- Nêu tính thích hợp của công nghệ dự kiến áp dụng.

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

### 11. Mục tiêu:

11.1. Mục tiêu chung:

11.2. Mục tiêu cụ thể

12. Nội dung (nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu):

- Mô tả công nghệ ứng dụng;
- Những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (xây dựng mô hình, ứng dụng công nghệ tạo sản phẩm mới ...);
- Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại địa phương, tập huấn cán bộ kỹ thuật và nông dân.

### 13. Giải pháp thực hiện:

- Giải pháp về mặt bằng và xây dựng cơ bản (nếu có).
- Giải pháp về đào tạo
- Giải pháp về tổ chức sản xuất, trong đó làm rõ:
  - + Giải pháp về xây dựng mô hình dự án;
  - + Giải pháp thu hút, sử dụng lao động: Số lượng lao động trực tiếp, gián tiếp tham gia dự án và thu nhập hàng tháng.
- Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Giải pháp về nguồn vốn

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án trên cơ sở:

Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương, ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương, nguồn vốn khác (có văn bản pháp lý kèm theo).

- Giải pháp thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án (nếu có).

14. Tiến độ thực hiện:

TT	Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (BĐ-KT)	Cơ quan thực hiện (ghi rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp)
1	2	3	4	5

15. Sản phẩm của dự án:

15.1. Nêu sản phẩm cụ thể của dự án:

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Chú thích
1	2	3	4
1			
2			
3			

15.2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án:

16. Kinh phí thực hiện dự án phân theo các khoản chi:

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn và đào tạo	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng cơ bản	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH & CN TW						
2	Ngân sách SNKH & CN ĐP						
3	Nguồn ngân sách khác						
4	Các nguồn vốn khác						
	- Tự có						
	- Khác (vốn huy động, ...)						

## **17. Hiệu quả kinh tế - xã hội:**

17.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án:

- Hiệu quả kinh tế: đánh giá tính tiên tiến của sản phẩm tạo ra, ước tính hiệu quả kinh tế bằng số lượng, hoặc bằng tiền;
- Hiệu quả về xã hội: *(xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động, mức thu nhập tăng như thế nào so với trước khi thực hiện dự án)*
- Đánh giá hiệu quả thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

17.2. Khả năng và kế hoạch mở rộng của dự án:

Ngày....tháng....năm 20...

**Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày....tháng....năm 20...

**Tổ chức chủ trì dự án**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày....tháng....năm 20...

**Sở Khoa học và Công nghệ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Ngày .... tháng năm 20...

**Bộ Khoa học và Công nghệ**

*(Đối với dự án TW quản lý)*

*(Ký tên, đóng dấu)*

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Kinh phí hỗ trợ ứng dụng công nghệ

Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí							
		Tổng	NSTW			NSDP			Khác
			Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
	<b>Cộng</b>								

### Khoản 2. Đào tạo, tập huấn

Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Kinh phí						
			NSTW			NSDP			Khác
			Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
	<b>Cộng</b>								

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						NSTW			NSDP			Khác
						Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
3.1	Nguyên, vật liệu											
3.2	Dụng cụ, phụ tùng											
3.3	Năng lượng, nhiên liệu											
	- Than											
	- Điện	KW/h										
	- Xăng, dầu											
	- Nhiên liệu khác											
<b>Cộng</b>												



*Khoản 4. Thiết bị, máy móc chuyên dùng*

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						NSTW			NSDP			Khác
						Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
4.1	Mua thiết bị công nghệ											
4.2	Khấu hao thiết bị											
4.3	Vận chuyển lắp đặt											
<b>Cộng</b>												

Triệu đồng

*Khoản 5. Xây dựng cơ bản*

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn			
			NSDP			Khác
			Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
5.1	Chi phí xây dựng .....m <sup>2</sup> nhà xưởng, phòng nhân giống, nhà kính, nhà lưới, vườn ươm					
5.2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng					
5.3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước					
<b>Cộng</b>						

Triệu đồng

**Khoản 6. Công lao động**

Triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Số công	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn						
						NSTW			NSĐP			Khác
						Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
1	Kỹ sư											
1.1	Kỹ sư chỉ đạo											
1.2	.....											
2	Kỹ thuật viên											
2.1	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện nội dung công nghệ											
2.2	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện nội dung công nghệ .....											
3	Lao động đơn giản											
3.1	Lao động đơn giản thực hiện nội dung											
3.2	Lao động đơn giản thực hiện nội dung											
3.3	.....											
	<b>Cộng</b>											

Khoản 7. Chi khác

Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn						
			NSTW			NSDP			Khác
			Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	
7.1	Công tác phí								
7.2	Quản lý cơ sở								
7.3	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu								
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu mô hình								
	- Chi phí tự đánh giá kết quả thực hiện (nghiệm thu cơ sở)								
	- Chi phí nghiệm thu cấp tỉnh								
7.4	Chi khác								
	- Thông tin, tuyên truyền								
	- Tiếp thị, quảng cáo								
	- Hội thảo								
	- Hội nghị								
	- In ấn tài liệu, văn phòng phẩm								
7.5	Phụ cấp Chủ nhiệm dự án								
	<b>Cộng</b>								

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

<p><b>1. Tên tổ chức:</b></p> <p>Năm thành lập:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại: Fax:</p> <p>Email:</p>
<p><b>2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh</b> (<i>minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất</i>)</p>
<p><b>3. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiến sỹ:</li><li>- Thạc sỹ:</li><li>- Đại học:</li><li>- Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:</li></ul>
<p><b>4. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm dự án</b> (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)</p>
<p><b>5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án:</li><li>- Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:</li></ul>
<p><b>6. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn tự có: ..... triệu đồng</li><li>- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng</li></ul>

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**

## LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

<b>A. Thông tin chung về cá nhân chủ trì dự án</b>			
Họ và tên:			
Ngày tháng năm sinh:			
Nam, nữ:			
Địa chỉ			
Điện thoại:	CQ:	NR:	Mobile:
Fax:		Email:	
Chức vụ:			
<b>B. Trình độ đào tạo</b>			
<b>1. Trình độ chuyên môn</b>			
Học vị/học hàm:			
Năm nhận bằng:			
Chuyên ngành đào tạo:			
Quá trình, nơi và chuyên ngành đào tạo:			
<b>2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành</b>			
Lĩnh vực:			
Năm:			
Nơi đào tạo:			
<b>C. Kinh nghiệm về quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và tiếp nhận, triển khai công nghệ</b>			
Số năm kinh nghiệm:			
Số dự án đã chủ trì tiếp nhận và triển khai:			
TT	Tên dự án	Tên tổ chức chủ trì	Năm bắt đầu-kết thúc
1.			
2.			
<b>D. Thành tựu hoạt động trong công tác tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, triển khai công nghệ và sản xuất kinh doanh khác</b>			

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

CƠ QUAN NƠI LÀM VIỆC CỦA  
CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN  
(xác nhận và đóng dấu)

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN  
(Họ tên và chữ ký)



Số: 1747/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIA TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN, MIỀN NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyên gia tiên bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025” (viết tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM**

1. Việc hỗ trợ ứng dụng, chuyên gia các tiên bộ khoa học và công nghệ phù hợp với năng lực tiếp thu của người dân, phát huy được lợi thế so sánh từng vùng miền, phát huy được các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện Chương trình để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

2. Tập trung ưu tiên cho hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; các dự án có sự tham gia của các doanh nghiệp với vai trò là hạt nhân trong chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa, tạo sinh kế cho người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

3. Chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ phải đi đôi với công tác đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ cơ sở, nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ của người dân.

**II. MỤC TIÊU**

1. Giai đoạn 2016 - 2020:

a) Xây dựng được ít nhất 1.200 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, có quy mô phù hợp với vùng sinh thái của từng địa bàn nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, trong đó có ít nhất 30% mô hình thực hiện ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số; xây

được ít nhất 20% mô hình liên kết ứng dụng khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị hàng hóa, tạo sinh kế cho người dân;

b) Chuyển giao được ít nhất 1.500 lượt công nghệ mới, tiên tiến phù hợp với từng vùng miền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số;

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án, năng lực ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho ít nhất 1.500 cán bộ quản lý và khoảng 2.500 kỹ thuật viên cơ sở ở địa phương, khoảng 80.000 lượt nông dân để có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý thường xuyên bám sát địa bàn giúp nông dân tiếp tục mở rộng việc áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ đã được chuyển giao.

## 2. Giai đoạn 2021 - 2025:

a) Xây dựng được ít nhất 1.000 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, trong đó có ít nhất 30% mô hình thực hiện ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số; tăng tỷ lệ các mô hình liên kết ứng dụng khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị hàng hóa, các mô hình có quy mô sản xuất lớn, quy mô công nghiệp, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến;

b) Chuyển giao được ít nhất 1.500 lượt công nghệ mới, tiên tiến ở các lĩnh vực khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 20% công nghệ cao;

c) Đào tạo ít nhất 1.500 kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn kỹ thuật cho ít nhất 60.000 lượt nông dân;

d) Có ít nhất 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số được hình thành từ Chương trình.

## III. NỘI DUNG

1. Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ thông qua các mô hình cụ thể phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số:

a) Xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển của từng vùng miền, địa phương:

- Tiến bộ khoa học và công nghệ về giống mới và công nghệ nhân giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, giống nấm;

- Quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, an toàn với môi trường công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến;

- Công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm. Chú trọng công nghệ, thiết bị chế biến sâu, công nghệ tạo giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp; công nghệ sơ chế nông - lâm - thủy sản, dược liệu cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số;

- Công nghệ sinh học trong sản xuất các chế phẩm sinh học dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản; phân vi sinh; xử lý môi trường; phòng trừ dịch bệnh;

- Công nghệ tưới, tiêu cho các loại cây trồng, các giải pháp kỹ thuật cung cấp nước ngọt, nước sạch cho các vùng khan hiếm nước;

- Quy trình, thiết bị máy móc trong sản xuất nông nghiệp; công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn;

- Tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất nguyên liệu, vật liệu dùng trong công nghiệp chế biến, xây dựng, dược phẩm;

- Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt; công nghệ, thiết bị đồng bộ sử dụng năng lượng tái tạo;



- Công nghệ thông tin, truyền thông để phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, thông tin thị trường cho nông dân;

- Kết hợp khoa học và công nghệ tiên tiến với tri thức truyền thống trong khai thác, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế của các cây trồng, vật nuôi đặc sản của địa phương;

- Công nghệ, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất gắn với du lịch sinh thái.

b) Xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong việc ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ:

Xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao đồng bộ các tiến bộ khoa học và công nghệ, tổ chức quản lý, phát triển thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa có sự tham gia, liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân, trong đó doanh nghiệp là nòng cốt.

2. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số:

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý dự án và cán bộ chuyên gia công nghệ;

b) Đào tạo cán bộ kỹ thuật cho địa phương, tập huấn kỹ thuật cho nông dân để hình thành mạng lưới cán bộ kỹ thuật và cộng tác viên, tình nguyện viên trực tiếp ở địa phương;

c) Thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình.

3. Xây dựng tài liệu, dữ liệu về các tiến bộ khoa học và công nghệ, thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ:

a) Xây dựng tài liệu, dữ liệu điện tử về quy trình kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng vùng, từng địa phương;

b) Phát hành các ấn phẩm (bản giấy, điện tử) về kinh nghiệm, quy trình công nghệ đã chuyển giao để phổ biến, nhân rộng kết quả của Chương trình;

c) Thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương, địa phương;

d) Biên tập tài liệu bằng tiếng dân tộc phục vụ truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **IV. GIẢI PHÁP**

1. Về khoa học và công nghệ:

a) Lựa chọn những tiến bộ khoa học và công nghệ trong nước hoặc từ nước ngoài có hiệu quả, phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế từng vùng miền, địa phương để triển khai ứng dụng, chuyển giao. Chú trọng công nghệ bảo quản, chế biến cho các vùng khó khăn;

b) Lựa chọn địa bàn phù hợp, có điều kiện thuận lợi cho việc tham quan, học hỏi và nhân rộng;

c) Lựa chọn đối tượng tiếp nhận công nghệ có đủ điều kiện để triển khai ứng dụng tại địa phương;

d) Lựa chọn cách thức chuyển giao phù hợp với tính chất và loại hình công nghệ;

đ) Tăng cường hoạt động dịch vụ chuyển giao, kết nối cung - cầu công nghệ hỗ trợ các cá nhân, tổ chức xây dựng và thực hiện các dự án khoa học và công nghệ;

e) Xây dựng và phát hành các tài liệu, ấn phẩm để phổ cập kiến thức, chia sẻ thông tin khoa học và công nghệ, kết quả thực hiện mô hình tại các địa phương cho vùng nông thôn, miền núi và vùng dân tộc thiểu số.

2. Về nguồn nhân lực:

- a) Khuyến khích cán bộ khoa học tham gia công tác chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, các doanh nghiệp tham gia Chương trình;
- b) Khuyến khích cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số;
- c) Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, kiến thức khoa học và công nghệ cho đội ngũ cán bộ cơ sở; tập huấn kỹ thuật cho nông dân, ưu tiên người trực tiếp tham gia thực hiện dự án là phụ nữ.

### 3. Về tổ chức quản lý:

- a) Phân cấp việc quản lý các dự án của Chương trình theo nguyên tắc: các dự án trọng điểm quy mô lớn, có tính chất tác động liên vùng do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý; các dự án có quy mô nhỏ, không có tính chất tác động liên vùng thì ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quản lý;
- b) Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp liên kết với người dân trong thực hiện các dự án ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số;
- c) Xây dựng cơ chế về hỗ trợ kinh phí; về ưu tiên, ưu đãi trong thực hiện các nhiệm vụ tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; về chuyển giao tài sản không bồi hoàn khi kết thúc nhiệm vụ thuộc Chương trình;
- d) Phối hợp, lồng ghép trong lựa chọn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để phát huy hiệu quả của các dự án.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm:

- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách trung ương được giao hàng năm về Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;
- Kinh phí từ ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện các dự án tại địa phương;
- Kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

#### 1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

- a) Chủ trì, điều phối tổ chức thực hiện Chương trình;
- b) Xây dựng và ban hành quy định quản lý Chương trình trong năm 2015;
- c) Tổ chức lựa chọn tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng vùng, miền;
- d) Trực tiếp quản lý các dự án quy định tại điểm a khoản 3 Mục IV Điều 1;
- đ) Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả hằng năm việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;
- e) Tổ chức sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### 2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ:

- a) Xây dựng và ban hành quy định quản lý tài chính của Chương trình trong quý I năm 2016;
- b) Bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ trì đề xuất đặt hàng các dự án ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thực hiện trên địa bàn;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện các dự án được ủy quyền cho địa phương quản lý phối hợp thực hiện các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý;

c) Tổ chức và huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình; lồng ghép nội dung các dự án thuộc Chương trình với các dự án phát triển kinh tế - xã hội khác ở địa phương; chủ động tổ chức hỗ trợ để nhân rộng các công nghệ được chuyển giao có hiệu quả tại địa bàn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTN, KTTH, V.III, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (3b). M

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**